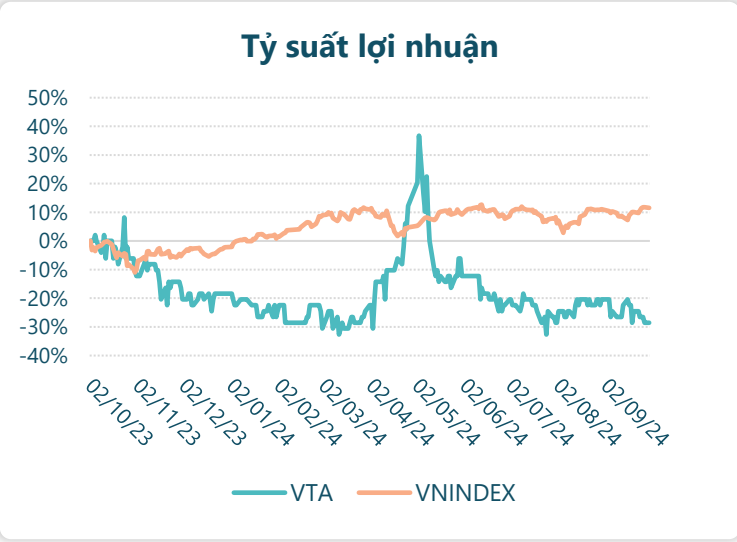


Ngày	3,500 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-10.3%	-7.9%	-7.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 6,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
Số lượng CPLH (CP)	8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,695
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.53
EPS	-2,991
P/E	-1.2



Doanh thu thuần
Q3/24

20.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.50 | -24.3%

YoY: ▼12.5 | -38.1%

LN gộp
Q3/24

-1.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▲2.42 | 68.6%

YoY: ▲1.78 | 61.6%

LN trước thuế
Q3/24

-4.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲2.43 | 37.5%

YoY: ▲1.98 | 32.8%

Nợ/VCSH
Q3/24

497%

YoY: +/-▲77.8%

ROE (TTM)
Q3/24

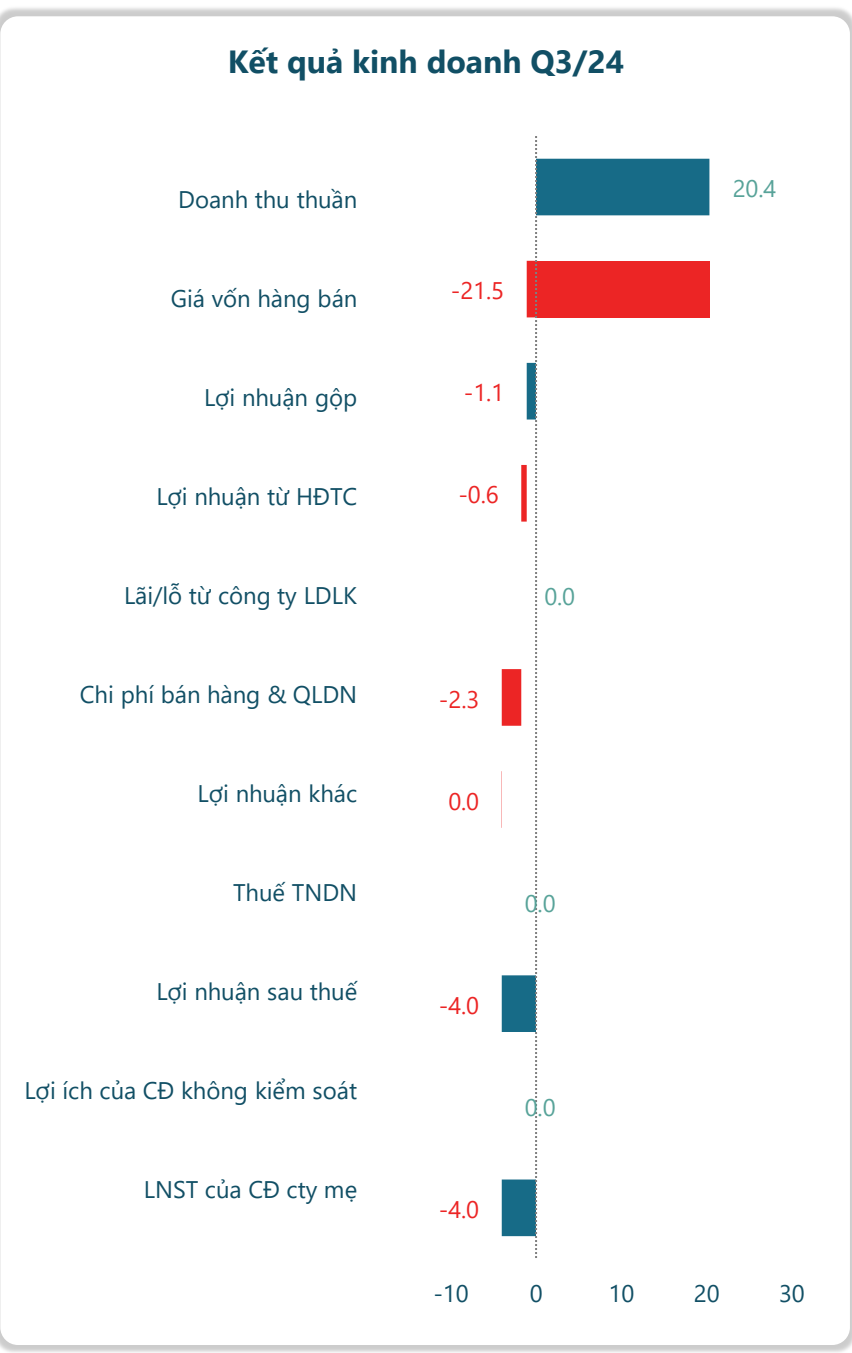
-63.9%

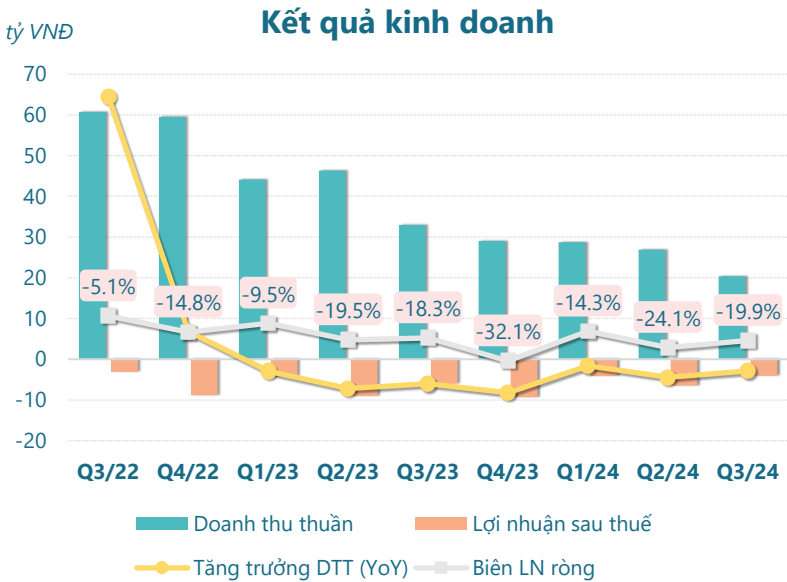
YoY: +/-▼2.9%

ROA (TTM)
Q3/24

-14.2%

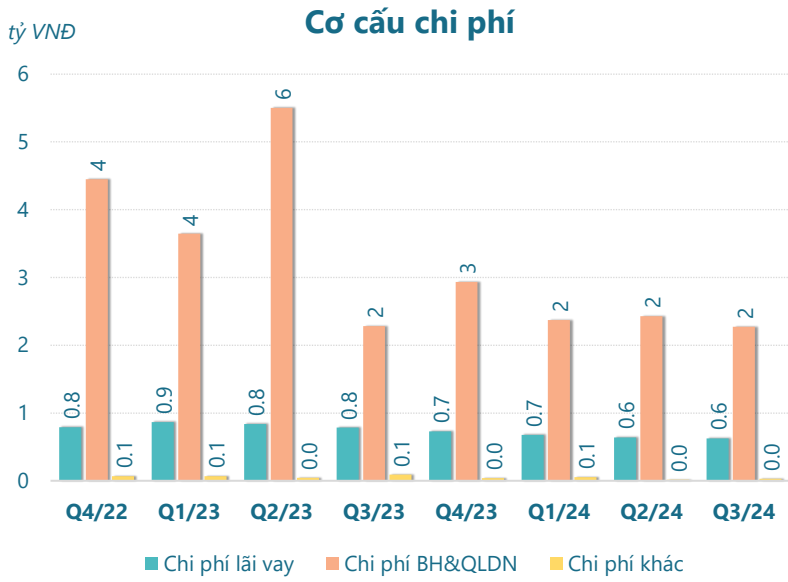
YoY: +/-▲0.5%





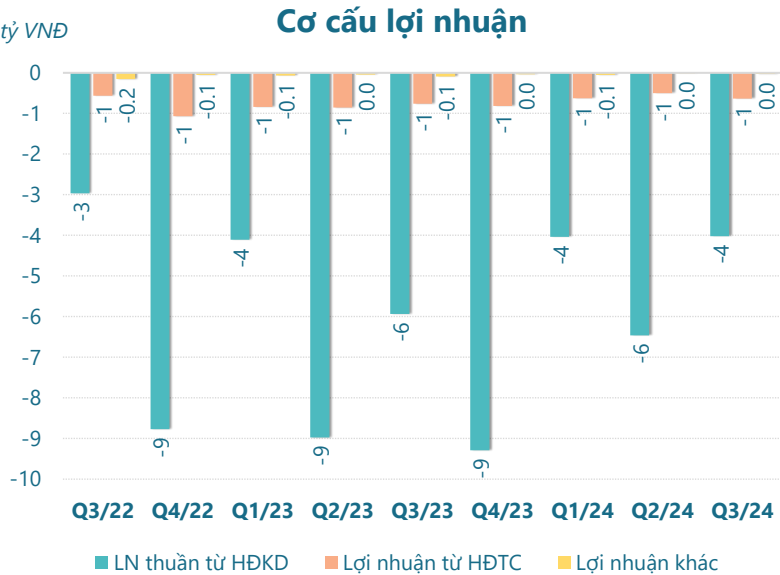
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** tăng thêm 2.44 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.91 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.64 tỷ đồng** giảm đi 0.14 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.12 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.03 tỷ đồng** giảm đi 0.01 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.06 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VTA** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **20.35 tỷ đồng** giảm đi **38.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 4.04 tỷ đồng, tăng thêm 1.98 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **76.00 tỷ đồng** thấp hơn 38.2% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 9 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **76.00 tỷ đồng** thấp hơn 38.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -15.00 tỷ đồng** tăng thêm



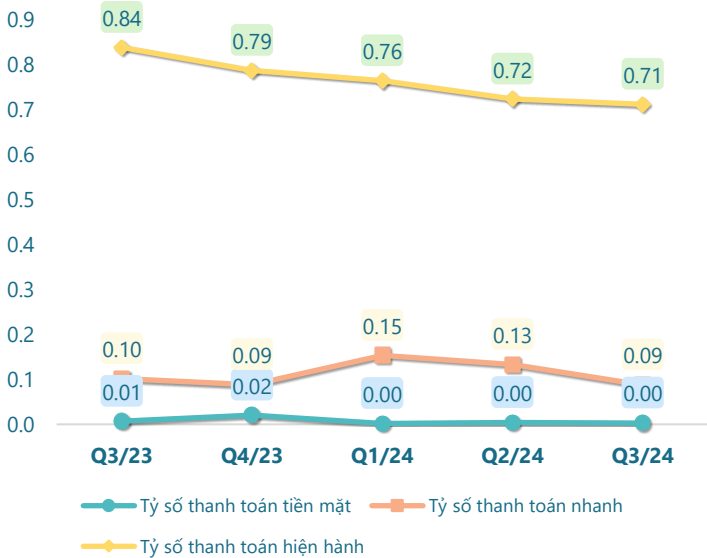
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.63 tỷ đồng** giảm đi 1.56% so với kỳ trước và thấp hơn 20.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **2.27 tỷ đồng** giảm đi 6.58% so với kỳ trước và thấp hơn 0.44% so với cùng kỳ năm trước.

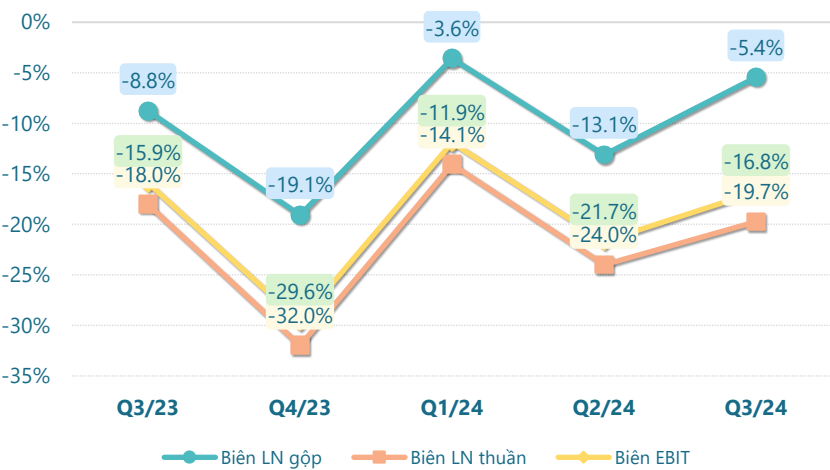
Chi phí khác bằng **0.03 tỷ đồng** tăng thêm 50.0% so với kỳ trước và thấp hơn 66.7% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	20.4	26.9	-24.3%	32.9	-38.1%	75.9	123	-38.4%
Giá vốn hàng bán	21.5	30.4	-29.4%	35.8	-40.1%	81.6	128	-36.5%
Lợi nhuận gộp	-1.11	-3.53	68.6%	-2.89	61.6%	-5.67	-5.12	-10.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.14	-99.8%	0.03	-99.1%	0.19	0.06	197%
Chi phí TC	0.64	0.64	-0.5%	0.79	-19.4%	1.95	2.52	-22.5%
Chi phí lãi vay	0.63	0.64	-2.1%	0.79	-20.7%	1.94	2.49	-21.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.02	0.97	5.6%	1.12	-8.6%	3.26	5.31	-38.6%
Chi phí QLDN	1.25	1.46	-14.6%	1.16	7.5%	3.82	6.13	-37.7%
LN thuần từ HĐKD	-4.02	-6.46	37.8%	-5.93	32.3%	-14.5	-19.0	23.7%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.02	-34.2%	-0.09	70.2%	-0.09	-0.20	52.4%
LN trước thuế	-4.04	-6.47	37.5%	-6.02	32.8%	-14.6	-19.2	24.0%
Lợi nhuận sau thuế	-4.04	-6.47	37.5%	-6.02	32.8%	-14.6	-19.2	24.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-4.04	-6.47	37.5%	-6.02	32.8%	-14.6	-19.2	24.0%

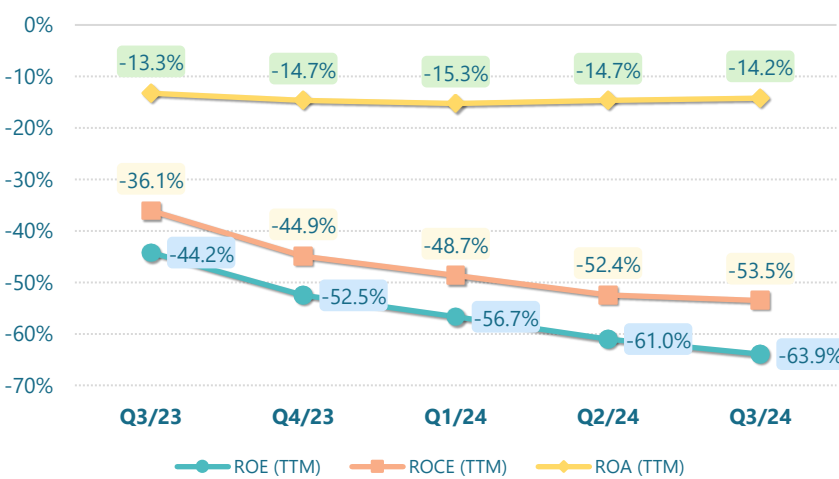
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

